

Bản án số: 63 /2026/DS-ST
Ngày: 14 -5-2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Đức Lam P – kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 -Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2025/TLST-DS Ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-DS ngày 02/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2026/QĐST – DS ngày 24/04/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn C. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Thế P1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ D, phường K, quận C (nay là phường C), Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Thế P1 vay vốn của V1 cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2211017288215 ngày 04/11/2022, số tiền cho vay: 40.000.000 đồng, Thời hạn cho vay: 36 tháng, Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 46%, Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150%

mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, ông đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 11.172.074 đồng, trong đó: G đã trả: 3.107.691 đồng; L đã trả: 8.064.383 đồng; Lãi trong hạn đã trả: 8.064.383 đồng; Lãi quá hạn đã trả: 0 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 15/05/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận.

- Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/11/2022. Hạn mức: 10.000.000 đồng, loại thẻ: V2, mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân, Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình thực hiện thẻ tín dụng, ông Vũ Thế P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 14/06/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận.

V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, ông Vũ Thế P1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Vũ Thế P1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 14/05/2026 là:

- Nợ gốc	:	36.892.309 đồng ;
- Nợ lãi	:	79.794.362 đồng ;
- Nợ gốc thẻ	:	9.643.629 đồng ;
- Nợ lãi thẻ	:	32.917.393 đồng ;
- Tổng cộng	:	159.247.693 đồng.

Ngoài ra, ông Vũ Thế P1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí cho đến khi hết nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Thế P1 mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 3 tại phiên toà: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Vũ Thế P1 trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng cho vay số LN2211017288215 ngày 04/11/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/11/2022. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: tại thời điểm ký kết hợp đồng và theo biên bản xác minh, bị đơn ông Vũ Thế P1 có địa chỉ thường trú tại: Tổ D, phường K, quận C (nay là phường C), Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, tại thời điểm thụ lý, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng và ông Vũ Thế P1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên toà, bị đơn ông Vũ Thế P1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với tiền nợ gốc và nợ lãi:

Giữa ông Vũ Thế P1 và Ngân hàng có ký các Hợp đồng vay gồm:

- Hợp đồng cho vay số LN2211017288215 ngày 04/11/2022, số tiền cho vay: 40.000.000 đồng, Thời hạn cho vay: 36 tháng, Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/11/2022. Hạn mức: 10.000.000 đồng, loại thẻ: V2, mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân

Các Hợp đồng vay trên được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch, qua đó để xác định ông Vũ Thế P1 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay số LN2211017288215, ông đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 11.172.074 đồng, trong đó: G đã trả: 3.107.691 đồng; L đã trả: 8.064.383 đồng; Lãi trong hạn đã trả: 8.064.383 đồng; Lãi quá hạn đã trả: 0 đồng. Từ ngày 15/05/2023, ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Vũ Thế P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 14/06/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Thế P1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 94 BLTTDS

HĐXX xét thấy:

Các hợp đồng trên được ký kết đúng quy định pháp luật, lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc thanh toán nhưng ông vẫn không thực hiện nên Ngân hàng đã chấm dứt Hợp đồng cho vay và việc sử dụng thẻ tín dụng trước thời hạn với ông là đúng quy định tại Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng

Và trong quá trình giải quyết, ông P1 cố tình vắng mặt, không tham gia các phiên hoà giải theo Thông báo của Toà án. Tại phiên toà hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông P1 vẫn cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông P1 không có thiện chí trả nợ đối với Ngân hàng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Vũ Thế P1 có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/5/2026 là 159.247.693 đồng, Nợ gốc: 36.892.309 đồng ; Nợ lãi: 79.794.362 đồng; Nợ gốc thẻ: 9.643.629 đồng ; Nợ lãi thẻ: 32.917.393 đồng là có cơ sở và phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận. Đồng thời, ông Vũ Thế P1 tiếp tục chịu lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã ký kết

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 157, 158, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc ông Vũ Thế P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 14/5/2026 là 159.247.693 đồng, Nợ gốc: 36.892.309 đồng; Nợ lãi: 79.794.362 đồng; Nợ gốc thẻ: 9.643.629 đồng; Nợ lãi thẻ: 32.917.393 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Thế P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.962.384 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 2.851.259 đồng theo biên lai thu số 0003209 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự Đà Nẵng.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 3;
- VKSND Khu vực 3;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 3;
- VKSND Khu vực 3;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng

